TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 22 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Ó và bà Lê Thị Bống.

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLST – HS, ngày 23/6/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST - HS, ngày 12/7/2021 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Văn N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 3 năm 1977 tại xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: bản C, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường. Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông Đinh Văn A và bà Lại Thị B, có vợ là Mùi Thị V, sinh năm 1980 và có hai con, đều cư trú tại bản C, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Tiền sự: Không. Tiền án: Tại bản án số 05/2015/HSST, ngày 17/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tại bản án số 02/2020/HSST, ngày 16/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Nhân thân: Tại bản án số 43/2010/HS - PT, ngày 02/6/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Đinh Văn H** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 6 năm 1993 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: bản P,

xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Thái. Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông Đinh Văn Nh và bà Phan Thị T, bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại quyết định số 2538/QĐ – UBND, ngày 04/12/2012 bị UBND huyện Phù Yên ban hành quyết định cưỡng chế đưa vào chữa trị cai nghiện, giáo dục lao động tại Trung tâm giáo dục – lao động huyện Phù Yên với thời hạn 13 tháng, kể từ ngày 28/11/2012. Ngày 15/12/2016 bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác với mức phạt 2.000.000,đ. Tại quyết định số 08/QĐ – TA, ngày 25/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (đều đã chấp hành xong hình phạt, hết thời hạn và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: ông Giàng A T, sinh năm 1975 và bà Lờ Thị M, sinh năm 1976; cư trú tại bản S, xã NP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Ông T có mặt tại phiên tòa, bà Lở vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Mùi Thị V, sinh năm 1980; cư trú tại bản C, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/4/2021 tại lán nương của gia đình Đinh Văn N, bị cáo N rủ Đinh Văn H đi trộm cắp tài sản để lấy tiền chi tiêu, H đồng ý, N cầm theo bao tải và lấy xe máy của gia đình nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26H6 9038 và H điều khiển xe chở N đi trộm cắp tài sản, cả hai đi đến bản S, xã NP, huyện Phù Yên thì thấy tại lán nương của gia đình anh Giàng A T có một chuồng lợn, thấy không có người trông coi, N bảo H lấy bao tải mang theo còn N trực tiếp vào chuồng lùa bắt được 05 con lợn (gồm 02 con lợn cái và 03 con lợn con) rồi cùng H cho vào 03 bao tải rồi đưa lên xe máy, N điều khiển xe còn H ngồi sau giữ 03 bao tải lợn đem về lán trại của N thả vào chuồng với mục đích sẽ đem bán để lấy tiền chi tiêu.

Vật chứng bị thu giữ gồm: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, có BKS 26H6 9038 màu sơn đen, đã cũ qua sử dụng; 01 con dao bầu; 01 đèn pin; 05 con lợn; 03 bao tải dứa. Cơ quan công an cũng đã tiến hành cân tịnh số tang vật là 05 con lợn, kết quả: 02 con lợn to (lợn cái) có trọng lượng 47kg, 03 con lợn nhỏ có trọng lượng 29,5kg, tổng trọng lượng 05 con lợn là 76,5kg, tình trạng sức khỏe của 05 con lợn đều bình thường.

Ngày 22/4/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ban hành yêu cầu định giá tài sản số 76/YC - ĐCSHS để định giá đối với số tài sản

do bị cáo N và H trộm cắp là: 05 con lợn, có tổng trọng lượng 76,5kg, tình trạng sức khỏe bình thường.

Tại kết luận định giá tài sản số 20/KLĐGTS, ngày 23/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 05 con lợn (có đặc điểm như mô tả theo yêu cầu định giá tài sản số 76/YC - ĐCSHS, ngày 22/4/2021), có trị giá trị là: 8.670.000,đ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 8.670.000,đ. (Tám triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N và H khai nhận hành vi phạm tội như sau: Chiều ngày 20/4/2021 bị cáo N rủ bị cáo H đi trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu sài, cả hai sử dụng xe máy của gia đình bị cáo N đi vào bản S, xã NP để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cả hai bị cáo đã trộm cắp được 05 con lợn của gia đình ông Giàng A T, trú tại bản S, xã NP với trị giá tài sản trộm cắp là 8.670.000,đ và đưa về lán nương của gia đình bị cáo N, sau đó bị phát hiện.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải và mong muốn người bị hại tha thứ cho hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, ngày 22/4/2021 người bị hại ông Giàng A T đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị mất trộm là 05 con lợn để quản lý, sử dụng, ông T đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 05 con lợn, tình trạng sức khỏe bình thường và ông có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản bị mất là 2.000.000,đ.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Giàng A T trình bày: Gia đình ông bị mất cắp 05 con lợn vào chiều tối ngày 20/4/2021, sau khi bị mất tài sản gia đình ông đã tổ chức anh em trong gia đình đi tìm kiếm tài sản bị mất và đã phát hiện 05 con lợn của gia đình đang bị nhốt tại lán trại của gia đình bị cáo N, tại bản C, xã HT, huyện Phù Yên và đã trình báo sự việc với cơ quan công an. Ông T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công tìm kiếm cụ thể như sau:

- Tiền xăng xe đi tìm kiếm 03 xe máy x 100.000,đ/xe x 01 ngày = 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Tiền công tìm kiếm 06 người x 200.000,đ/người x 01 ngày = 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

- Tiền công và xăng xe đi lấy lợn về gia đình là 500.000,đ (Năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng). Ông Giàng A T yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường 1.000.000,đ (Một triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn N nhất trí yêu cầu bồi thường của đại diện gia đình bị hại và chị Mùi Thị V là vợ của bị cáo đã tự nguyện, thống nhất bồi thường cho ông Giàng A T số tiền 1.000.000,đ tiền công tìm kiếm tài sản theo yêu cầu của ông T. Về hình phạt ông T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và xét xử bị cáo Đinh Văn H nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan chị Mùi Thị V trình bày: chị là vợ của bị cáo Đinh Văn N, gia đình chị có chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen, BKS 26H6 9038, chiếc xe này là anh chị mua lại của người khác về để làm phương tiện đi lại cho cả gia đình, số tiền mua xe là tiền do cả hai vợ chồng tích cóp, tiết kiệm để mua, chiếc xe có giấy đăng ký mang tên người khác, sau khi mua thì vợ chồng chị vẫn chưa làm thủ tục sang tên giấy đăng ký xe. Việc bị cáo N sử dụng chiếc xe của gia đình vào thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì chị không biết và không đồng ý, chị yêu cầu xin được trả lại chiếc xe máy trên cho chị để làm phương tiện đi lại và phục vụ công việc chung của gia đình. Đối với yêu cầu của ông Giàng A T yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường cho gia đình ông tiền công tìm kiếm tài sản bị mất là 1.000.000,đ, đối với yêu cầu này của gia đình ông T thì chị hoàn toàn nhất trí, trong quá trình điều tra sau khi biết được yêu cầu đề nghị các bị cáo phải bồi thường của gia đình bị hại chị đã mong muốn tìm gặp đại diện gia đình bị hại để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo N nhưng do đường xa và không liên lạc được nên chị chưa bồi thường, tại phiên tòa chị V đã tự nguyện bồi thường cho ông T số tiền 1.000.000,đ đối với phần trách nhiệm phải bồi thường của bị cáo N.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 56/CT - VKS, ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị cáo Đinh Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Đinh Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn N, Đinh Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173, điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bảo tải dứa; 01 con dao bầu; 01 đèn pin; 01 cuộn băng dính màu đen, đều đã cũ qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Mùi Thị V quản lý, sử dụng 01 một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen, BKS 26H6 0938, đã cũ qua sử dụng;

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị hại 05 con lợn và chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo N và ông Giàng A T số tiền công tìm kiếm là 1.000.000,đ.

- Buộc bị cáo Đinh Văn H phải bồi thường cho người bị hại gia đình ông Giàng A T tiền công tìm kiếm tài sản bị mất trộm là 1.000.000,đ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại bà Lờ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có sự có mặt của ông Giàng A T (là chồng bà M), việc vắng mặt bà M không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành phạm tội của các bị cáo: Ngày 20/4/2021, các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn H đã có hành vi lén lút, bí mật, trực tiếp trộm cắp 05 con lợn của gia đình người bị hại ông Giàng A T. Tổng giá trị tài sản bị cáo N và H trộm cắp là 8.670.000,đ (Tám triệu, sáu trăm, bảy mươi ngàn đồng).

Xét tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Đơn trình báo của người bị hại; Kết luận định giá số 20/KLĐGTS, ngày 23/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phù Yên; Các tài liệu và lời khai nhận tội của các bị cáo; Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Lời khai của người bị hại,

người liên quan; Các tài liệu về việc tạm giữ, giao trả tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Đinh Văn N và Đinh Văn H đã phạm tội Trộm cắp tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với vai trò giản đơn, bị cáo N là người rủ rê, khởi xướng việc trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo H là đồng phạm tích cực trong việc trộm cắp tài sản, cả hai bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 8.670.000,đ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Cả hai bị cáo N và H đều có nhân thân xấu, đều là đối tượng nghiện ma túy.

Đối với bị cáo N chưa có tiền sự. Đã bị xét xử theo bản án số 43/2010/HS - PT, ngày 02/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

Đối với bị cáo Đinh Văn H chưa có tiền án. Tại quyết định số 2538/QĐ – UBND, ngày 04/12/2012 bị UBND huyện Phù Yên ban hành quyết định cưỡng chế đưa vào chữa trị cai nghiện, giáo dục lao động tại Trung tâm giáo dục – lao động huyện Phù Yên với thời hạn 13 tháng, kể từ ngày 28/11/2012. Ngày 15/12/2016 bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác với mức phạt 2.000.000,đ. Tại quyết định số 08/QĐ – TA, ngày 25/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (đều đã chấp hành xong hình phạt, hết thời hạn và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo N đã bị xét xử theo bản án số 05/2015/HS – ST, ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, trong khi chưa được xóa án tích lại phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 02/2020/HSST, ngày 16/4/2020, lần phạm tội này của bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đến ngày phạm tội mới (ngày 20/4/2021 trộm cắp tài sản 05 con lợn trị giá 8.670.000,đ) bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội mới này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm, là

tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Cáo trạng số 56/CT – VKS, ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Đinh Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Đinh Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều là người thành niên, có sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động, không chịu khó tu chí làm ăn, lại cố tình phạm tội, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật. Trong vụ án cả hai bị cáo N và H là người trực tiếp, tích cực thực hiện tội phạm, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người bị hại, do đó cần xử phạt nghiêm khắc với các bị cáo, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra và nhân thân của các bị cáo, cần cách ly bị cáo N và H ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Các bị cáo N và H sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo N có bố đẻ là ông Đinh Văn A, có công lao trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất và tại phiên tòa, bị cáo N được đại diện người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo về hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, không tài sản có giá trị, nếu áp dụng hình phạt bổ sung thì khó có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã tạm giữ 05 con lợn của gia đình ông Giàng A T, ngày 22/4/2021 cơ quan công an đã trả lại cho gia đình ông T quản lý, sử dụng, ông T đã nhận lại được tài sản là 05 con lợn và ông T có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công, xăng xe đi tìm kiếm tài sản bị mất là 2.000.000,đ, cụ thể yêu cầu bồi thường như sau:

- Tiền xăng xe đi tìm kiếm 03 xe máy x 100.000,đ/xe x 01 ngày = 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Tiền công tìm kiếm 06 người x 200.000,đ/người x 01 ngày = 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

- Tiền công và xăng xe đi lấy lợn về gia đình là 500.000,đ (Năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng).

Ông Giàng A T yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản bị mất cho gia đình ông là 1.000.000,đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phát hiện bị mất tài sản, gia đình ông T đã huy động anh em họ hàng đi tìm số lợn bị mất và phát hiện đàn lợn của gia đình ở tại lán trại của gia đình bị cáo Đinh Văn N và đã làm đơn trình báo cơ quan chức năng. Việc gia đình ông T huy động sức người và xe máy để đi tìm tài sản bị mất là hợp lý, đối với yêu cầu đòi bồi thường về tiền công đi tìm là 200.000,đ/ngày/người và tiền xăng xe là 100.000,đ/x/ngày cũng như tiền công, tiền xăng xe đi lấy tài sản bị mất về gia đình là phù hợp với mức thu nhập thực tế trên địa bàn, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận yêu cầu của gia đình ông T đối với yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công, xăng xe tìm kiếm là 2.000.000,đ. Tại phiên tòa địa diện bị cáo Đinh Văn N đã bồi thường cho ông T 1.000.000,đ, việc bồi thường của gia đình bị cáo N với đại diện gia đình bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đúng quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trong vụ án cả hai bị cáo đồng phạm, tích cực phạm tội, yêu cầu đề nghị bồi thường của người bị hại là phù hợp, bị cáo N đã bồi thường xong cho bị hại. Bị cáo H nhất trí với yêu cầu đề nghị bồi thường tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H chưa bồi thường được cho người bị hại do đó cần buộc bị cáo H phải bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản bị mất cho gia đình ông T là 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

[7] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 03 bảo tải dứa màu màu trắng, loại bao đựng thức ăn chăn nuôi; 01 cuộc băng dính màu đen trình tròn; 01 con dao bầu, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, chuôi gỗ và 01 đèn pin led 03 bóng chiếu sáng, có dây đeo dùng để gắn lên đầu, tất cả đều đã cũ, qua sử dụng, xác định là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen cũ, BKS 26H6 9038, đã cũ qua sử dụng. Xác định chiếc xe máy trên là của vợ chồng bị cáo N, việc bị cáo lấy chiếc xe máy trên để sử dụng vào việc phạm tội chị V không biết, chiếc xe máy trên là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, do đó cần trả lại chiếc xe máy trên cho chị V quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Do hành vi phạm tội của mình nên buộc các bị cáo N và H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bị cáo H

còn phải chịu khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản bị mất cho người bị hại.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm g khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22 tháng 4 năm 2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) bao tải dứa màu trắng, loại bao đựng thức ăn chăn nuôi và 01 (Một) cuộn băng dính màu đen hình tròn, đường kính 5,2cm, nhãn hiệu NANOTONGADUNG; 01 (Một) con dao bầu, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, chuôi dao bằng gỗ; 01 (Một) đèn pin led 03 bóng chiếu sáng, có dây đeo màu đen dùng để gắn lên đầu; đều đã cũ qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Mùi Thị V quản lý, sử dụng 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen xám, lắp 01 gương chiếu hậu, BKS 26H6 9038, phần đuôi xe có nhiều vết chầy xước, đều đã cũ qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 65/BB – GNVC, ngày 23/6/2021 giữa Cơ quan công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh Văn H phải bồi thường cho gia đình người bị hại ông Giàng A T số tiền 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc các bị cáo Đinh Văn N và Đinh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo

Đinh Văn H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/7/2021). Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Lương Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (3);
- Công an huyện Phù Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Các bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLLQ;
- Lưu HS, AV.